

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TP.P  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS- ST

Ngày: 30/9/2019

V/v “yêu cầu bồi thường thiệt hại do  
sức khỏe bị xâm phạm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P  
TỈNH NINH THUẬN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ninh Thị Kiều Hạnh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hoàng Liên- Bà Lê Thái Thị Kim Vân.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lan- Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Diệu-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 năm 2019 và 30 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về “yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐ-HPT ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Đ, trú: khu phố A, phường M, thành phố P (có mặt).

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Luật sư Đào V, Văn phòng luật sư HP, Đoàn luật sư tỉnh N (có mặt).

- **Bị đơn:**

Anh Nguyễn Hữu H, trú: khu phố B, phường M, thành phố P (vắng mặt).

Anh Nguyễn Hữu L, trú: khu phố C, phường Đ, thành phố P (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

+ Chị Nguyễn Thị V – sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố P (có mặt).

+ Anh Nguyễn Thành K – sinh năm 1985. Địa chỉ: khu phố XY, phường Đ, thành phố P (có mặt).

+ Ông Lê Sĩ B – sinh năm 1967. Địa chỉ: khu phố G, phường Đ, thành phố P (vắng mặt).

+ Anh Lê Thanh T – sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố 5, phường M, thành phố P (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hữu Th – sinh năm 1986. Địa chỉ: khu phố K, phường M, thành phố P (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn Ch – sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố L, phường M, thành phố P (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Tr – sinh năm 1980. Địa chỉ: khu phố 9, phường Đ, thành phố P (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1962, trú: khu phố O, phường M, thành phố P (có mặt).

+ Anh Nguyễn H1, sinh năm: 1989, trú: khu phố K, phường M, thành phố P (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1993, trú: khu phố H, phường Đ, thành phố P (có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn – bà Lê Thị Đ - trình bày:*

Bà không có mâu thuẫn gì với Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu L. Bà là mẹ ruột Nguyễn H1, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị S. Nguyên gia đình bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà gắn liền với đất bà đang ở, bên cạnh là 1 con đường đi khoảng 4 mét. Tiếp giáp con đường là đất của ông Nguyễn Hữu M, ông M làm sổ đỏ trên cả phần đất làm con đường đi, ông Mười cho rằng bà lấn chiếm con đường đi này. Khoảng 8 giờ sáng ngày 23/7/2018, bà và con là Nguyễn Thị V đang ngồi ăn sáng thì Nguyễn Thị Tr mang theo một bó dây hút nước đến đất của ông Nguyễn Hữu M. Tr nói gia đình bà cướp giật đất, V nói

đất gì mà cướp giật, Tr. ý khỏe ôm đè V xuống rồi đánh, thấy vậy bà cảm cảnh nem người ta bỏ gần đây đánh vào mông Tr một cái cho Tr dừng lại nhưng Tr không dừng lại. Lúc đó phía người nhà Tr kéo xuống đông. Con bà là Nguyễn H1 chạy ra can thì bị Nguyễn Hữu L chặn lại đánh. Bà thấy đông định quay vô nhà thì có một người cầm một vật cứng đánh mạnh vào đỉnh đầu, bà ngã sấp mặt xuống, bà quay lại thì thấy Nguyễn Hữu H đang cầm xẻng đứng ngay sau lưng, bà nghĩ H cầm cán xẻng để đánh. Anh Tám L nhà ở gần đó chạy vô can. Người nhà chở bà xuống Bệnh viện N, vì bà bị sung to ở đỉnh đầu, mặc dù không chảy máu. Sau đó bà tự ý chuyển vô Bệnh viện CR từ ngày 24 đến ngày 25/7/2018, Bệnh viện chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng điều trị từ ngày 25 đến ngày 29/7/2018. Bà đã đi giám định thương tích, theo Kết luận của cơ quan giám định pháp y NT thì tỷ lệ thương tích là 3%, trong kết luận có ghi vết thương của bà do vật tày gây ra. Sự việc đã được Công an thành phố P giải quyết và kết luận là vụ án dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Hữu H và Nguyễn Hữu L phải bồi thường cho bà 46.541.495 đồng, bao gồm tiền thuốc, chi phí đi lại là 26.541.495 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho bà là 20.000.000 đồng.

*Bị đơn- anh Nguyễn Hữu H trình bày:*

Anh với bà Lê Thị Đ có quan hệ họ hàng như sau: bà Đ kết hôn với chú ruột anh, gọi là chú Tám, còn cha ruột của anh thứ bảy, tức anh gọi bà Đ là thím. Nhà bà Đ có mâu thuẫn về tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Hữu M. Đất này do ông bà anh để lại nên anh biết rõ nguồn gốc. Sáng ngày 23/7/2018, ông M kêu anh em anh đến phụ xây kiềng nhà, trên phần đất giáp với bà Đ và có tranh chấp. Đến khu vực đất của ông M thì bà Đ và các con: V, H1, S đã ở đó và cầm cây sắn. Nguyễn Hữu L đứng nói lý lẽ với bà Đ, khi đang nói thì bị mẹ con bà Đ cầm cây xông vô đánh L. Anh ở nhà nghe có đánh nhau mới chạy đến. Dọc đường anh cầm 1 cây giàn giáo thợ hồ. Anh nói với H1 là bỏ cây xuống, từ từ nói chuyện. H1 và bà Đ, S, V cầm cây chọc L để đánh, anh lấy cây giàn giáo thợ hồ gạt ra. Bà Đ và H1 té xuống. Đ, S, V cầm cây đánh vào đầu anh, anh lấy cây giàn giáo đỡ, đẩy ra thì 3 người này ngã, họ lại đứng dậy đánh anh, anh gạt ra và họ ngã, tiếp đến như vậy một lần nữa. Anh gạt họ ra và họ té ngã như vậy tổng cộng 3 lần. Nguyễn Hữu D đến can, xô bà Đ vô tường nhà, vách có mái tôn và đụng đầu vô chảy máu. Khi anh gạt bà Đ ngã

thì bà ấy tự đứng dậy. Sau đó anh thấy H1 và L ôm vật nhau. Sau khi bị anh gạt ngã thì anh thấy bà Đ không bị thương tích gì, vẫn chạy được, khi vô bệnh viện cũng tự bà đi được, sau khoảng 2,3 ngày thì bà đi xe mang biển số Đà Lạt 49 về, nhưng bà nói đi Sài Gòn khám bệnh. Anh xác định là không gây thương tích cho bà Đ nên anh không đồng ý bồi thường. Những người chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối có ông Nguyễn Hữu D là chú họ của anh, ông Lê Sĩ B là dưỡng, họ đều là người nhà của hai bên và trình bày sự thật. Cây giàn giáo thợ hồ mà anh cầm dài khoảng 02 m, khá nặng do làm bằng sắt, anh cầm lọt trong bàn tay từ lúc vào can đảm đông, lúc bị bà Đ đánh và gạt bà Đ ra, đến lúc bị ông D lấy mất, anh không cầm vật gì khác như xẻng hay cuốc.

*Bị đơn- Anh Nguyễn Hữu L- trình bày:*

Vào ngày 23/7/2018, ông Nguyễn Hữu M nhờ anh em anh đến đất của ông để xây dựng cột mốc. Anh đến đất của ông M thì bà Lê Thị Đ và con cái bà chửi bới anh, đồng thời cầm sẵn gậy tre đứng ở trên đất. Anh đi tay không đến gặp bà để nói chuyện thì bà Đ không nghe mà còn thách thức, bà Đ cầm 1 cây nem định đánh lên đầu anh, anh dùng tay chụp cây nem lại đánh vào đầu bà đình một cái sau đó con bà Đ cầm gậy gộc ra xô xát. Anh và H1 có giằng co với nhau, mọi người đến can ngăn. Anh thừa nhận có đánh bà Đ vô đầu bằng cây nem của bà Đ. Nhưng anh không đồng ý bồi thường do theo anh thương tích do anh gây ra không đến mức 3%. Ngoài ra không có ai gây thương tích cho bà Đ. Sau đó anh thấy bà Đ vẫn khỏe mạnh bình thường, tự lên đồn công an trình báo, tự đi khám bệnh tại bệnh viện.

*Những người làm chứng trình bày:*

*Anh Nguyễn H1 trình bày:* Anh đang bán cà phê thì thấy phía nhà mẹ anh xô xát, anh chạy qua thì bị Nguyễn Hữu Th và Nguyễn Hữu L đánh gậy thương tích nhẹ ở đầu, do bị thương nhẹ nên anh không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do anh bị đánh, bị choáng nên anh không thấy ai đánh mẹ. Mẹ anh bị đánh ở đầu, sưng to, không chảy máu, đến trưa thì mẹ chóng mặt ói mửa nên anh chở mẹ đi bệnh viện tỉnh N cấp cứu, sau đó chuyển mẹ vô Sài Gòn điều trị. Khi ở bệnh viện mẹ anh nói là bị H đánh. Chi phí thuốc thang như mẹ đã nộp cho Tòa án.

*Chị Nguyễn Thị V trình bày:* Chị không có mâu thuẫn gì với Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu Th và Nguyễn Hữu L. Khoảng 8 giờ sáng ngày 23/7/2018, chị cùng với mẹ đang ăn sáng ở nhà mẹ thì Nguyễn Hữu L, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu Th cùng với Nguyễn Thị Tr và vài người khác nữa đến, làm ồn ào, chỉ mặt

mẹ chửi mắng. Chị có lên tiếng nói lại thì Tr vật chị xuống đánh, khi chị ngồi dậy được thì mẹ chị đã bị đánh rồi nên tôi không chứng kiến mẹ bị đánh ra sao.

*Anh Nguyễn Thành K trình bày:* Anh ngồi ở quá cà phê thì thấy Nguyễn Hữu H cầm cây cuốc dí bà Đ vô nhà có mái tôn, trước đó H cũng có xô xát với bà Đ, anh nghĩ là có gây thương tích nhưng anh không tận mắt thấy bà Đ bị đánh ở đâu như thế nào.

*Chị Nguyễn Thị Tr, anh Nguyễn Hữu D, ông Lê Sĩ B trình bày:* họ không chứng kiến khi xảy ra sự việc bà Đ bị thương.

*Chị Nguyễn Thị S trình bày:* Chị thấy Nguyễn Hữu H dí mẹ chị vô tấm tôn, lấy đầu cán cuốc đánh vào đầu mẹ chị gây thương tích.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”.

[1] Ngày 23/7/2018, do mâu thuẫn tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Lê Thị Đ và gia đình ông Nguyễn Hữu M, đã xảy ra xô xát giữa bà Lê Thị Đ cùng các con là Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu H1 với các anh Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị Tr, khiến bà Lê Thị Đ bị thương phải nhập viện. Bà Đ đã tố giác tội phạm tại cơ quan công an, sau quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ban hành Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 37/TB ngày 19/12/2018. Bà Lê Thị Đ đã phô to toàn bộ chứng cứ do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P khởi kiện tại Tòa án, cho rằng người gây thương tích cho bà là Nguyễn Hữu H, và do Nguyễn Hữu L trình bày L có dùng cây nem đập lên đầu bà nên bà yêu cầu cả H và L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà do sức khỏe bị xâm phạm. Tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Theo giấy chứng nhận thương tích ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Bệnh viện CR, vết thương của bà Đ cụ thể như sau: “*xây xát vùng trán, xây xát vùng mặt rải rác, chấn thương đầu, CT Scan nội sọ: chưa ghi nhận tổn thương nội sọ*”. Giấy ra viện của Bệnh viện CR ngày 25/7/2018 xác định bà Đ điều trị từ ngày 24/8/2018 đến ngày 25/8/2018, chuyển viện sang Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng thành phố H. Giấy chứng nhận thương tích của Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng thành phố H, xác định: *bệnh tình, đau đầu, không dấu hiệu thần kinh khu trú, sinh hiệu ổn. CT- Scan sọ não: chưa ghi nhận máu tụ nội sọ*. Giấy ra viện của Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng thành phố H xác định bà Đ nằm viện điều trị nội trú từ 17h24 phút ngày 25/7/2018 đến 14h14 phút ngày 29/7/2018. Kết luận giám định pháp y thương tích số 114 ngày 27/9/2018 xác định: *vết thương dọc giữa đỉnh đầu sọ liền xấu dính, KT 1,5 X 0,5 cm, than đầu đầu chóng mặt, chưa phát hiện dấu hiệu thần kinh khu trú, tỷ lệ thương tích là 3%. Cơ chế hình thành vết thương: do vật tày gây nên*. Khi bà Lê Thị Đ bị thương tích, những người làm chứng như anh Nguyễn Thanh K, chị Tr, anh Nguyễn Hữu D, anh Lê Sỹ B, anh Nguyễn H1 trình bày không thấy rõ ai gây thương tích. Chị Nguyễn Thị S cho rằng Nguyễn Hữu H gây thương tích cho bà nhưng hung khí là cây cuốc. Nguyễn Hữu L trình bày đã dùng cây nem để đánh vào đầu bà Đ, nhưng cho rằng thương tích không đến mức 3% và không đồng ý bồi thường. Do xảy ra xô xát giữa nhiều người trong thời gian ngắn, dồn dập nên lời khai của các đương sự và người làm chứng không thống nhất, căn cứ vào toàn bộ diễn biến vụ án, lời khai của anh Nguyễn Hữu L, Kết luận giám định pháp y thương tích cùng các chứng cứ thu thập được từ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định anh Nguyễn Hữu L là người gây thương tích cho bà Đ và anh Nguyễn Hữu L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[3] Bà Đ yêu cầu bồi thường tiền thuốc và điều trị, tiền taxi chuyển viện tổng cộng là 26.641.495 đồng và bồi thường thiệt hại về tinh thần là 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: bà Đ đã tự ý chuyển viện không theo chỉ định của Bệnh viện đa khoa tỉnh NT, do đó bà phải tự chịu chi phí chuyển viện 5.000.000 đồng, còn các chi phí điều trị có hóa đơn trong thời gian từ ngày 24/7/2018 đến ngày 25/7/2018 tại Bệnh viện CR, từ ngày 25/7/2018 đến ngày 29/7/2018 tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình và phục hồi chức năng thành phố H, hóa đơn trong lần tái khám ngày 29/8/2018 thể hiện tổng chi phí khám chữa bệnh là 12.624.000 đồng. Ngoài ra tiền mất thu nhập của người bệnh và người chăm sóc bệnh từ ngày 24/7/2018 đến ngày 29/7/2018 là 6 ngày x 150.000 đồng/ngày x 2 người = 1.800.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 14.424.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ bồi thường số tiền này.

[4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần: Hội đồng xét xử xét thấy với thương tích 3%, mức độ bồi thường tổn thất tinh thần bà Đ yêu cầu 20.000.000 đồng là chưa hợp lý. Căn cứ khoản 2 điều 590 Bộ luật Dân sự, người gây thương tích có nghĩa vụ phải bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại, về nguyên tắc mức bồi thường phải tương xứng với thiệt hại, do đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đ, buộc anh L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bà Đ 10.000.000 đồng. Như vậy anh Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị Đ tổng cộng là 24.424.000 đồng.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.424.000 đồng x 5%= 1.221.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ vào:** Khoản 6 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị Đ 24.424.000 đồng (*hai mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng*), bao gồm 14.424.000 đồng tiền điều trị thương tích và 10.000.000 đồng bồi thường tổn thất tinh thần.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về án phí:** Anh Nguyễn Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.221.000 đồng.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TPPRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Lưu HS+ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Anh Thư Nguyễn Huy Trân**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TPPRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Lưu HS+ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**

Xem lại án phí ông Lộc

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Lam Nguyễn Lê Anh  
Thư.

.



## **Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người

khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”.

Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

– Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.







Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào.....<sup>(27)</sup> .....

<sup>(28)</sup>, .....

.....<sup>(29)</sup>

#### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án

; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm,

tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

